

VỀ THỰC TRẠNG CHẾ ĐỘ THỰC TẬP KỸ NĂNG

JITCO

TÀI ĐOÀN PHÁP NHÂN
CƠ QUAN HỢP TÁC TU NGHIỆP QUỐC TẾ
BAN HỢP TÁC QUỐC TẾ

Tình hình nhập vào Nhật Bản của thực tập sinh kỹ năng

Số “thực tập sinh kỹ năng” người nước ngoài nhập quốc (bao gồm số đã về nước giữa chừng và số đã tái nhập quốc) 16 nước

Nguồn: thống kê của Bộ Tư Pháp

N o.	Quốc tịch, khu vực	Năm 2018 tháng 1~8				Năm 2019 tháng1~8				Tăng giảm (2019-2018)				Năm 2019 tháng1~8			
		2018 số 1a	2018 số 1b	Tổng số	Tỷ lệ cầu thành	2019 số 1a	2019 Số 1b	Tổng số	Ti lệ cầu thành	Số 1a	Số 1b	Tổng số	Ti lệ gia tăng so với năm trước	Số 3a	Số 3b	Tổng số của số 3	Ti lệ cầu thành
1	Việt Nam	820	42,093	42,923	48.4%	658	57,846	58,504	51.0%	-172	15,753	15,581	36%	98	7,145	7,243	53.2%
2	Trung Quốc	966	21,198	22,164	25.0%	1,258	23,234	24,492	21.3%	292	2,036	2,328	11%	162	2,279	2,441	17.9%
3	Indonesia	472	7,135	7,607	8.6%	502	9,920	10,422	9.1%	30	2,785	2,815	37%	6	1,01	1,017	7.5%
4	Philippin	776	7,411	8,187	9.2%	849	8,849	9,698	8.4%	73	1,438	1,511	18%	90	1,629	1,719	12.6%
5	Myanmar	32	2,132	2,164	2.4%	128	3,926	4,054	3.5%	96	1,794	1,890	87%	4	329	333	2.4%
6	Thái Lan	712	2,192	2,904	3.3%	834	2,723	3,557	3.1%	122	531	653	22%	17	419	436	3.2%
7	Cambodia	225	1,877	1,902	2.1%	21	2,683	2,704	2.4%	-4	806	802	42%	0	353	353	2.6%
8	Mông Cổ	2	447	449	0.5%	2	750	752	0.7%	0	303	303	67%	0	33	33	0.2%
9	Sri Lanka	16	144	160	0.2%	16	196	212	0.2%	0	52	52	33%	0	14	14	0.1%
10	Lào	0	114	114	0.1%	13	122	135	0.1%	13	8	21	18%	0	10	10	0.1%
11	Ấn Độ	50	12	62	0.1%	78	38	116	0.1%	28	26	54	87%	0	0	0	0.0%
12	Nepal	18	52	70	0.1%	1	102	103	0.1%	-17	50	33	47%	3	10	13	0.1%
13	Bangladesh	3	28	31	0.0%	3	44	47	0.0%	0	16	16	52%	0	1	1	0.0%
14	Pakistan	0	3	7	0.0%	14	1	15	0.0%	14	-2	12	400%	0	0	0	0.0%
15	Peru	0	10	10	0.0%	0	6	6	0.0%	0	-4	-4	0%	0	0	0	0.0%
16	Uzubekistan	0	0	0	0.0%	0	0	0	0.0%	0	0	0	0%	0	0	0	0.0%
Tổng số		3,902	84,848	88,750		4,377	110,440	114,817		475	25,592	26,067	29%	380	13,233	13,613	

Sự thay đổi số thực tập sinh kỹ năng đang lưu trú tại Nhật theo từng quốc tịch (số 1, số 2, số 3 a-b)

Thời điểm cuối tháng 12 của từng năm, hàng dưới: tỷ lệ trên tổng thể

	Năm 2015※	Năm 2016※	Năm 2017	Năm 2018
Việt Nam	57,581 30%	88,211 39%	123,563 45%	164,499 50%
Trung Quốc	89,086 46%	80,858 35%	77,567 28%	77,806 24%
Indonesia	15,307 8%	18,725 8%	21,894 8%	26,914 8%
Philippines	17,740 9%	22,674 10%	27,809 10%	30,321 9%
Thái Lan	6,084 3%	7,279 3%	8,430 3%	9,639 3%
Myanmar	1,978 1%	3,960 2%	6,144 2%	8,432 3%
Campuchia	3,106 2%	4,865 2%	6,180 2%	7,424 2%
Tổng số	192,655	228,589	274,233	328,360

※Không bao gồm năm 2015, 2016 vì là thời gian trước khi chế độ được sửa đổi.

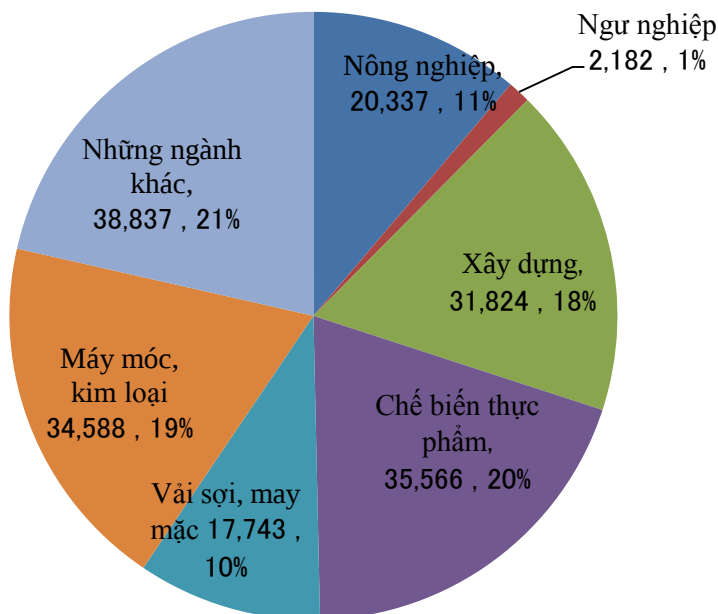
Nguồn: thống kê của Bộ Tư Pháp

Thực tập kỹ năng Đặc trưng của từng ngành nghề

Tổng thể của thực tập kỹ năng (Thực tập kỹ năng số 2 theo hình thức đoàn thể quản lý)

Số vụ thực tập kỹ năng được chấp nhận tính theo quốc tịch-địa phương, ngành nghề (so với tổng thể)

Số vụ kế hoạch được chấp nhận số 2 181.077 vụ

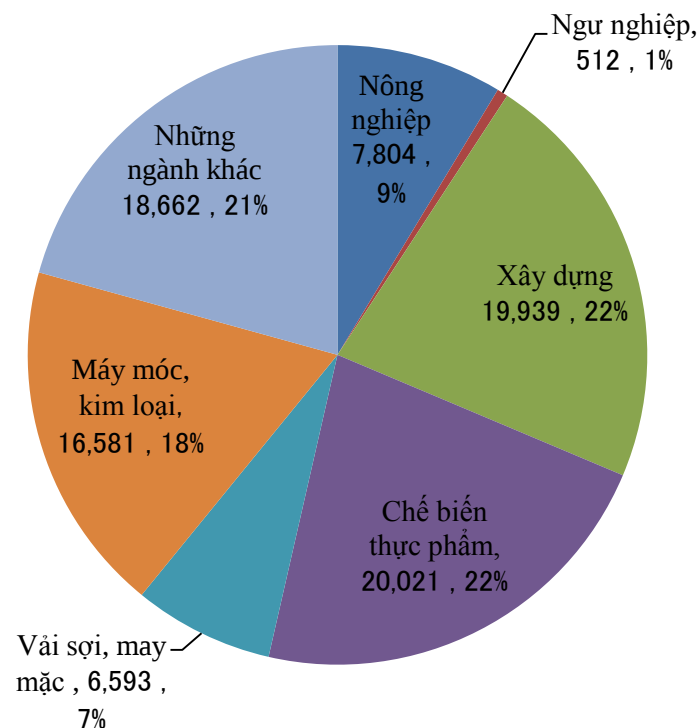


Việt Nam

Số vụ kế hoạch được chấp nhận tính theo từng quốc tịch, ngành nghề

Thực tập kỹ năng số 2 theo hình thức đoàn thể quản lý

Số vụ kế hoạch được chấp nhận số 2 90.112 vụ



Sự thay đổi về số thực tập sinh kỹ năng bỏ trốn chia theo từng quốc tịch

Quốc tịch	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	
				Tỷ lệ so với tổng số
Việt Nam	2,025	3,751	5,801	64.0%
Trung Quốc	1,987	1,594	1,537	17.0%
Cambodia	284	656	758	8.4%
Myanmar	216	446	345	3.8%
Indonesia	200	242	339	3.7%
Thái Lan	37	95	82	0.9%
Philippin	91	89	65	0.7%
Mông Cổ	31	31	38	0.4%
Sri Lanka	31	67	35	0.3%
Bangladesh	–	–	19	0.2%
Những nơi khác	156	118	33	0.3%
Tổng số	5,058	7,089	9,052	100.0%

Đặc trưng của cuốn “Sách hướng dẫn dành cho cơ quan phái cử” theo chế độ mới có hiệu lực từ năm 2017

- 1 Soạn thảo bằng tiếng Nhật và nhiều thứ tiếng khác.
- 2 Giải thích cụ thể, dễ hiểu nội dung sửa đổi của chế độ mới.
- 3 Đặc biệt nhấn mạnh những điểm các cơ quan phái cử cần lưu ý trong phần sửa đổi của chế độ mới.
- 4 Giải thích cụ thể các biện pháp phòng chống bỏ trốn.
- 5 Không đơn thuần chỉ giải thích về nội dung chế độ, cuốn hướng dẫn còn đề cập đến các điểm như triển khai kinh doanh chế độ thực tập sinh kỹ năng của Nhật như thế nào sẽ thuận lợi, các đoàn thể giám sát của Nhật yêu cầu những điểm như thế nào, v.v.
- 6 Giới thiệu những dịch vụ hỗ trợ do JITCO cung cấp cho cơ quan phái cử.
- 7 Giới thiệu mẫu giấy tờ các loại, các ví dụ khi điền đơn.

Nếu có những điểm nào không hiểu trong cuốn hướng dẫn này, hoặc về tổng thể của chế độ thực tập sinh kỹ năng, có những điểm nào chưa rõ, lo lắng, hãy liên lạc đến JITCO bất cứ lúc nào.

Ban quốc tế JITCO Tel: 03-4306-1151 (có tiếng Nhật, Anh, Trung Quốc, Việt Nam)
Trong trường hợp nhân viên người nước ngoài vắng mặt, có thể chúng tôi sẽ không đáp ứng ngay được.

Hết